

Số: /BC-SKHCCN

Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của  
ngành khoa học và công nghệ***(Phục vụ kỳ họp thứ 21, HĐND khóa X)*

Thực hiện Văn bản số 122/HĐND-VP ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 21, HĐND tỉnh khóa X.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo kết quả thực hiện một số nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý như sau:

**I. Quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ**

**1. Công tác định hướng, hướng dẫn, đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hằng năm và giai đoạn, nhất là định hướng đề tài, dự án phát huy lợi thế về nông lâm nghiệp**

**1.1. Định hướng, hướng dẫn cơ sở xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hằng năm (từ năm 2017 đến nay)**

Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn xây dựng kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh tại Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và các chương trình, kế hoạch được cụ thể hóa, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo đến các tổ chức, cá nhân, đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó định hướng một số nội dung cần tập trung thuộc các lĩnh vực khoa học nông nghiệp, khoa học y dược, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội, trong đó yêu cầu các nhiệm vụ đặt hàng phải xuất phát từ nhu cầu của các sở, ngành, địa phương và do sở, ngành và địa phương đề xuất, đặt hàng nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc ở địa phương về KH&CN.

Trong các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thì phát triển nông lâm nghiệp vẫn là chủ yếu nên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các ngành, địa phương, các tổ chức ngoài tỉnh gửi đề xuất, đặt hàng thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp chiếm trên 80%, theo đó nhiệm vụ được lựa chọn thực hiện thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp cũng chiếm tỉ lệ 60-70%. Trong lĩnh vực này, các đề tài, dự án thực hiện theo hướng ứng dụng, ưu tiên phát triển nông lâm nghiệp gắn với chế biến, tạo sản phẩm hàng hóa đặc trưng, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển du lịch. Một số đề tài, dự án về mở rộng sản xuất cam, quýt, chè Shan tuyết, chè trung du theo hướng VietGap, hữu cơ; xây dựng mô hình sản xuất rau công nghệ cao; chế biến các sản phẩm và xây dựng nhãn hiệu tập thể cho Chè Shan tuyết, các giống lúa đặc sản như Khẩu nua Pái, Nếp tài ...;

thử nghiệm phát triển một số cây trồng có giá trị kinh tế, phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng của tỉnh như Lê VH6, bưởi diễm... Với định hướng của tỉnh là đẩy mạnh phát triển du lịch thì các nhiệm vụ khoa học nông nghiệp giai đoạn này cũng có sự chuyển biến theo hướng tạo ra các sản phẩm hàng hóa đặc sản gắn với phát triển du lịch, phục vụ du lịch, một số nhiệm vụ hướng tới phát triển nông nghiệp du lịch, du lịch nông nghiệp (như xây dựng mô hình Chè Shan tuyết cô thụ gắn với phát triển du lịch, mô hình kinh tế sáng tạo gắn với phát triển du lịch...). So với giai đoạn trước, có sự tăng số lượng nhiệm vụ về lâm nghiệp (xây dựng rừng gỗ lớn; phát triển cây keo, quế, hồi, trám đen, sau sau...). Lĩnh vực khoa học kỹ thuật tập trung các nhiệm vụ định hướng tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý môi trường, phòng chống thiên tai, quản lý sức khỏe người dân, xây dựng hệ thống thông tin ngành nông nghiệp, hợp tác xã... đã giúp công tác quản lý, dự báo được nhanh và chính xác hơn. Lĩnh vực khoa học y dược tập trung các giải pháp phát triển kỹ thuật, công nghệ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân về các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, Thalassemia... Lĩnh vực khoa học xã hội triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đề ra những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền, tuyên giáo cơ sở, thi hành pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển văn hóa gắn với du lịch, nghiên cứu khai thác du lịch tự nhiên để phục vụ mục tiêu phát triển dịch vụ và du lịch.

Nhìn chung, các nhiệm vụ đã, đang triển khai đảm bảo đúng chủ trương, định hướng của tỉnh, của ngành, địa phương, mặc dù tỉ lệ giữa các lĩnh vực còn có sự khác biệt xuất phát từ nhu cầu của các ngành, địa phương, trong đó lĩnh vực khoa học nông nghiệp vẫn được quan tâm đặt hàng và thực hiện nhiều nhất. Mặt khác số nhiệm vụ được lựa chọn hằng năm không nhiều (7-9 nhiệm vụ/năm) do nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học ít, phải cân đối, ưu tiên lựa chọn những đề tài, dự án thật sự cần thiết để đảm bảo tổ chức thực hiện.

### **1.2. Căn cứ, quy trình lựa chọn đề tài, dự án khoa học và công nghệ**

Trên cơ sở kế hoạch của Bộ Khoa học và Công nghệ, tháng 02 hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo việc đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm sau gửi đến các tổ chức, địa phương trong và ngoài tỉnh. Thông báo có định hướng nghiên cứu, yêu cầu đối với các lĩnh vực và được công khai rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Theo quy định, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo 02 phương thức: tuyển chọn hoặc giao trực tiếp. Thấy rằng các ngành, địa phương ít quan tâm đến công tác đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chủ yếu là đề xuất nhiệm vụ từ các viện trường, trung tâm nghiên cứu, vì vậy một số nhiệm vụ triển khai chưa thực sự xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của ngành, địa phương dẫn đến khó khăn trong công tác bàn giao, ứng dụng, nhân rộng (điều này được chỉ ra tại Báo cáo số 110/BC-HĐND ngày 05/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả giám sát hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, công tác triển khai ứng dụng đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh từ 2021 đến 2016). Vì vậy, từ năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đẩy mạnh đặt hàng

bằng việc chỉ tập trung nhận đặt hàng các nhiệm vụ của các ngành, địa phương trong tỉnh.

Quy trình lựa chọn đề tài, dự án khoa học và công nghệ được thực hiện theo Quy chế quản lý các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, được sửa đổi tại Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của UBND tỉnh. Theo đó, việc lựa chọn danh mục nhiệm vụ hằng năm được thực hiện chặt chẽ thông qua tư vấn của Hội đồng Khoa học và Công nghệ tỉnh (Hội đồng có 22 thành viên). Hội đồng hoạt động theo Quy chế, sau khi phân tích, thảo luận sẽ bỏ phiếu kín. Hội đồng KHCN tỉnh chỉ xem xét tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các nhiệm vụ có tính thiết thực, ứng dụng cao giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc của các Sở, ngành, địa phương về KHCN. Không xem xét các nhiệm vụ KHCN nghiên cứu mang tính hàn lâm, tính ứng dụng thấp. Khi tổ chức họp Hội đồng KH&CN cấp tỉnh để lựa chọn các đề tài, dự án triển khai hằng năm, đa số đều mời thêm đại biểu là lãnh đạo các ngành, các huyện, thành phố dự để nghe và tham gia thêm ý kiến đối với các nhiệm vụ do ngành, địa phương mình đặt hàng và quan tâm cho Hội đồng tham khảo. Tỷ lệ nhiệm vụ đề xuất đặt hàng được lựa chọn giao động từ 7-10 nhiệm vụ, chiếm trung bình 14% trên tổng số nhiệm vụ gửi đề xuất, đặt hàng hằng năm.

## **2. Về Công tác tổ chức thực hiện và ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ**

### **2.1. Công tác tham mưu của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc triển khai ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu, chuyển giao kết quả nghiên cứu tới các địa phương, cơ quan đơn vị trong thời gian qua**

Căn cứ Quyết định số 13, Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 13/9/2015 (Quyết định 10), Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 về ban hành Quy chế ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Quyết định 25), ngay từ khi đề xuất, đặt hàng các nhiệm vụ KHCN của các Sở ngành, địa phương đã phải có địa chỉ của đơn vị, tổ chức cam kết ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án sau khi kết thúc được nghiệm thu vào thực tiễn sản xuất. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện (từ năm 2021 Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ công nhận). Tại Quyết định công nhận, căn cứ Thuyết minh các nhiệm vụ đã được phê duyệt và phương án chuyển giao kết quả tại Báo cáo tổng kết, xác định đơn vị, địa phương tiếp nhận kết quả để tổ chức ứng dụng, duy trì, nhân rộng tại Quyết định và gửi đến các đơn vị, địa phương liên quan. Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ bàn giao sản phẩm sau khi các nhiệm vụ đã hoàn thành các thủ tục về đăng ký kết quả, thanh lý Hợp đồng và hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả ứng dụng, nhân rộng.

Trong giai đoạn (2017 đến nay), Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức bàn giao 49/51 nhiệm vụ đã triển khai đến các sở, ngành, huyện, thành phố và đơn vị liên quan trong phạm vi ứng dụng được nêu trong Quyết định công nhận kết quả. Về cách thức, Sở bàn giao trực tiếp các sản phẩm đến các sở, ngành, địa phương để tổ chức chỉ đạo duy trì, nhân rộng. Sản phẩm bàn giao gồm báo cáo tổng kết nhiệm vụ, biên bản nghiệm thu và các tài liệu khác như báo cáo sản phẩm, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, sản phẩm tuyên truyền (nếu có). Đối với các nhiệm vụ có mô hình triển khai thì hợp tác xã, người dân tham gia dự án được thụ hưởng theo quy định và các ngành, UBND huyện/thành phố tiếp tục chỉ đạo duy trì, phát triển, nhân rộng đối với mô hình được đánh giá có hiệu quả.

## **2.2. Công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương trong việc nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ**

Căn cứ Quy chế ứng dụng, nhân rộng kết quả thực hiện đề tài theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh, hằng năm Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức bàn giao các sản phẩm khoa học và công nghệ đến các đơn vị, địa phương thuộc phạm vi ứng dụng. Theo đó, tại Biên bản bàn giao nêu rõ trách nhiệm của các bên.

Đề đôn đốc, kiểm tra, mỗi năm Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức cho thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh, các phòng chuyên môn của Sở làm việc với các huyện/thành phố ít nhất 01 lần để nghe báo cáo về kết quả thực hiện và đôn đốc các nội dung còn tồn tại, hạn chế.

Tháng 12 hằng năm, các đơn vị, địa phương thuộc phạm vi ứng dụng báo cáo bằng văn bản kết quả ứng dụng, nhân rộng trong năm để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

## **2.3. Đánh giá hiệu quả ứng dụng các đề tài, dự án đã được nghiệm thu; tác động đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh**

Việc ứng dụng, nhân rộng các đề tài, dự án KH&CN trong thực tiễn thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, Đến nay, tỉnh Bắc Kạn có 04 sản phẩm nông nghiệp đặc sản được bảo hộ chỉ dẫn địa lý (*Quýt Bắc Kạn, Hồng không hạt Bắc Kạn, Miến dong Bắc Kạn, Vịt bầu cổ xanh Bắc Kạn*); 05 sản phẩm được bảo hộ về nhãn hiệu tập thể (*Gạo Bao thai Chợ Đồn, Gạo Nếp Khẩu Nua Léch Ngân Sơn, Chè Shan tuyết Bằng Phúc huyện Chợ Đồn, Gạo Nếp Tài Ba Bể, Gạo Khẩu nua Pái Chợ Đồn*), hiện nay đang hoàn thiện hồ sơ cấp Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm Bí xanh thơm Bắc Kạn. Qua đó nâng cao được giá trị nông sản đặc sản của tỉnh, góp phần cải thiện nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, bảo vệ quyền và lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

Tuy nhiên, việc ứng dụng, nhân rộng các đề tài, dự án KH&CN cũng còn nhiều khó khăn, giai đoạn 2017 - 2024, trong tổng số 51 đề tài, dự án đã nghiệm thu có 21 đề tài dự án nhân rộng tốt (chiếm 41,1 %); 09 đề tài dự án có nhân rộng nhưng còn hạn chế (chiếm 17,6%); 08 đề tài, dự án được duy trì (chiếm 31,3 %); 05 đề tài, dự án không duy trì, nhân rộng (chiếm 9,8%).

## **II. Quản lý Công nghệ và Chuyên ngành**

## **1. Công tác hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh**

### **a) Kết quả chung**

- Sau khi Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ được ban hành, dưới sự chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, triển khai, phổ biến và quán triệt sâu rộng các nội dung của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Trên cơ sở các quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP công tác quản lý công nghệ của tỉnh đã từng bước nâng cao được chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Việc thẩm định về công nghệ, thiết bị của các dự án đầu tư đã giúp ngăn chặn các công nghệ hạn chế chuyển giao, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh. Trong giai đoạn từ 2018 đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành tham gia ý kiến về công nghệ đối với 146 hồ sơ dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng, đúng thời gian và tiến độ.

- Năm 2022 Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai tổng hợp nhu cầu được hỗ trợ tìm kiếm, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và phát triển công nghệ trên địa bàn tỉnh, kết quả: có 10 đơn vị có nhu cầu với 19 công nghệ (thiết bị, dây chuyền đồng bộ, giải pháp, sáng chế...).

- Năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp tập huấn: “Chuyên ngành đánh giá, định giá công nghệ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ tại địa phương; kết hợp hướng dẫn điều tra, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn” với sự tham gia của cán bộ, công chức thuộc các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, Phòng Kinh tế thành phố; Phòng Kinh tế hạ tầng các huyện, Ban quản lý các khu công nghiệp, một số doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp Thanh Bình,... Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về tư vấn đánh giá và định giá công nghệ và kinh nghiệm thực tế trong quá trình thực hiện; Nâng cao kiến thức và kỹ năng cho học viên, qua đó áp dụng hiệu quả thực tế trong ứng dụng chuyển giao công nghệ tại địa phương.

### **b) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng, đổi mới công nghệ**

Theo kết quả tổng hợp, rà soát đến thời điểm hiện nay, tỉnh Bắc Kạn chưa phát sinh các hoạt động về: Ưu đãi về thuế theo quy định pháp luật về thuế cho các đối tượng ưu đãi; Hoàn trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi; Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp để hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ; Hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động giải mã công nghệ, tổ chức, cá nhân thực hiện việc giải mã công nghệ; Hỗ trợ kinh phí thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc hỗ trợ trực tiếp để hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ

chức khoa học và công nghệ; Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của địa phương.

Chưa có doanh nghiệp đề xuất hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai các dự án đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Trong ngành giáo dục tỉnh Bắc Kạn hiện nay không có cá nhân thuộc các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học tham gia hoạt động nghiên cứu chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

### **c) Tình hình, kết quả thực hiện các quy định về chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

Thực hiện Quyết định số 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 về Kế hoạch thực hiện chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Bắc Kạn.

Về phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Trong những năm qua, tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp để thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Thông tư số 10/2021/TT-BKHCN ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ cũng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc ban hành Kế hoạch hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh hiện nay còn ít với 04 doanh nghiệp khoa học và công nghệ<sup>1</sup> hoạt động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp, nông nghiệp, xử lý môi trường; công nghiệp chế biến, chế tạo.

Về việc hình thành phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ: đến nay chưa hình thành các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

Bắc Kạn còn là một tỉnh vùng núi khó khăn, cơ sở hạ tầng, giao thông còn hạn chế, các chính sách hỗ trợ chưa thực sự hấp dẫn đối với các doanh nghiệp, việc tiếp cận các nguồn vốn vay, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các doanh nghiệp còn khó khăn... Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, tài chính còn hạn hẹp, quy mô nhỏ, chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và tầm quan trọng của việc đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo với hoạt động của doanh nghiệp.

---

<sup>1</sup> Công ty TNHH Nam Huế; Công ty TNHH Nông nghiệp hữu cơ công nghệ cao Eden Ba Bể; Công ty cổ phần công nghệ dược liệu Bắc Hà; Công ty TNHH nhiệt công nghiệp HTL

#### **d) Tình hình, kết quả thực hiện các chính sách khác**

- Tình hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (kể từ ngày 01/7/2018 đến nay): Không có tổ chức, cá nhân nào được cấp mới và gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

### **III. Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

**1. Về công tác tổ chức xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh**

#### **1.1. Về công tác tổ chức xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương**

##### *a) Khái quát chung:*

Quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khoẻ con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác. Quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản để bắt buộc áp dụng. Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam bao gồm Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ tổ chức xây dựng và ban hành trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý; Quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và ban hành để áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình đặc thù của địa phương và yêu cầu cụ thể về môi trường cho phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thủy văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

##### *b) Kết quả thực hiện:*

Theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2006, Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật tại địa phương.

Theo đó, năm 2022 Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Y tế tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (*Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn*). Tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 về Quy định mức chi xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Qua đó tạo hành lang pháp lý giúp nâng cao hiệu quả quản lý đối với công tác xây dựng quy chuẩn kỹ thuật của địa phương.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản rà soát cung cấp thông tin về Quy chuẩn kỹ thuật địa phương và kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương các năm tiếp theo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Tuy nhiên đến nay, chưa có sở, ngành nào đăng ký xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo lĩnh vực được phân công.

## **1.2. Về Công tác hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở**

Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) là tiêu chuẩn do tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công bố để áp dụng cho các hoạt động trong phạm vi của tổ chức đó. Việc áp dụng tiêu chuẩn là sử dụng tiêu chuẩn trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường và trong các hoạt động kinh tế - xã hội khác.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tích cực hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm trong lĩnh vực do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và đã ban hành Văn bản số 473/SKH-CN-TĐC ngày 12/6/2023 về việc hướng dẫn trình tự, hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm hàng hóa. Trong thời gian tới Sở tiếp tục hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng tiêu chuẩn cơ sở.

## **2. Về công tác thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận**

### *a) Khái quát chung:*

- Trung tâm Khoa học - Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở KH&CN được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chỉ định tổ chức thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2; Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

- Trung tâm đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng công nhận phạm vi kiểm định theo Quyết định số 1180/QĐ-TĐC ngày 27/5/2024; Chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo Quyết định số 1181/QĐ-TĐC ngày 27/5/2024.

- Đã được Văn phòng Công nhận chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá phù hợp với chuẩn mực của hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2017 về lĩnh vực thử nghiệm vật liệu xây dựng và đo điện trở tiếp địa cho các công trình xây dựng theo nhu cầu khách hàng.

- Các chuẩn đo lường hiện nay của Trung tâm được sử dụng đúng phạm vi theo Quyết định chứng nhận chuẩn đo lường để kiểm định phương tiện đo nhóm 2; duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên theo hướng dẫn bảo quản của từng chuẩn đo lường. Hàng năm các chuẩn đo lường đều được kiểm định, hiệu chuẩn theo đúng quy định của pháp luật.

- Trung tâm có các quy trình duy trì, bảo quản và sử dụng từng loại chuẩn theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO/IEC 17025:2017.



- Thực hiện đánh giá định kỳ lĩnh vực VILAS 380 theo ISO/IEC 17025:2017.

b) *Kết quả thực hiện công tác kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường trong giai đoạn 2021-2024*

Trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay, Trung tâm đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch các nhiệm vụ được giao, đảm bảo theo đúng tiến độ. Hoạt động thu dịch vụ đạt và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch được giao hằng năm.

Bình quân hằng năm Trung tâm tiến hành kiểm định khoảng 3000-4000 phương tiện đo các loại như: Cột đo xăng dầu, Cân (cân phân tích, cân kỹ thuật, cân thông dụng...); Kiểm định huyết áp kế lò xo; Công tơ điện; Kiểm định Taximet và thử nghiệm mẫu vật liệu xây dựng khoảng 350 mẫu.

- Kiểm định đối chứng công tơ điện khi Công ty Điện lực Bắc Kạn bàn giao công tơ theo Hợp đồng. Phối hợp với các Trung tâm y tế thực hiện kiểm định phương tiện đo trong lĩnh vực y tế.

**Biểu 1. Kiểm định phương tiện đo**

STT	Loại Phương tiện đo	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Kiểm định cột đo Xăng, dầu	Cái	179	182	210	70	
2	Kiểm định cân kỹ thuật, cân thông dụng	Cái	178	210	360	55	
3	Kiểm định công tơ điện	Cái	3.365	4.689	2.412	1.515	
4	Kiểm định huyết áp kế	Cái	183	65	143	68	
5	Kiểm định Taximet	Cái	0	0	13	05	
6	Thử nghiệm VLXD	Mẫu	281	224	852	400	
<b>Tổng</b>			<b>4.186</b>	<b>5.370</b>	<b>3.990</b>	<b>2.113</b>	

**Biểu 2. Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ**

TT	Năm	Nguồn thu (từ dịch vụ) (đồng)	Ghi chú
1	Năm 2021	311.238.320	
2	Năm 2022	339.587.058	
3	Năm 2023	603.000.000	
4	Năm 2024	277.690.000	Trong 6 tháng đầu năm

#### **IV. Đánh giá chung**

##### **1. Kết quả đạt được**

- Công tác quản lý các nhiệm vụ KH&CN được triển khai thực hiện đảm bảo đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra, theo tiến độ nội dung và sử dụng phần kinh

phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đúng với hợp đồng KH&CN đã ký kết và các quy định hiện hành. Từ năm 2021, các đề tài, dự án được thực hiện theo phương thức tuyển chọn, do các ngành, địa phương đặt hàng nên đảm bảo xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, là những vấn đề cấp bách cần giải quyết. Công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn được thực hiện đầy đủ theo Quy chế quản lý và được Sở Khoa học và Công nghệ liên tục cải tiến hơn thông qua các giải pháp về tuyên truyền, hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng KH&CN tỉnh, tăng cường phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh... Đối với những vấn đề phát sinh đã xử lý theo thẩm quyền, đến nay không còn nhiệm vụ bị tồn đọng. Các đề tài, dự án thực hiện đảm bảo đúng định hướng của tỉnh, đủ các lĩnh vực, trong đó khoa học nông nghiệp vẫn là chủ đạo, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh. Kết quả các đề tài, dự án hoàn thành mang lại giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả kinh tế, đồng thời là cơ sở cho việc định hướng phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác tiềm năng, lợi thế về khí hậu, đất đai, phát triển cây trồng đặc sản tạo thành vùng sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào các dân tộc và hướng tới tạo các sản phẩm đặc trưng phục vụ phát triển du lịch. Kết quả của việc nghiên cứu và ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN đã giúp các cơ quan nhà nước tổ chức nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý nhà nước, góp phần tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong chuyển giao, ứng dụng, để khắc phục những hạn chế trong việc ứng dụng, nhân rộng các đề tài, dự án của giai đoạn trước, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 về việc ban hành Quy chế ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trong đó, quy định nguyên tắc, điều kiện ứng dụng, nhân rộng kết quả; việc quản lý tổ chức và kinh phí thực hiện ứng dụng nhân rộng kết quả đề tài, dự án; trách nhiệm của cơ quan quản lý đề tài, dự án và các sở, ngành, UBND cấp huyện, chủ nhiệm, cơ quan chủ trì đề tài, dự án trong việc ứng dụng nhân rộng kết quả nghiên cứu sau khi nghiệm thu. Từ đó, tất cả các đề tài, dự án trong giai đoạn này sau khi hoàn thành thủ tục sau nghiệm thu đã được Sở Khoa học và Công nghệ bàn giao đến các đơn vị, địa phương trong phạm vi ứng dụng được chỉ ra từ khi xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ.

- Công tác hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ; Việc tổ chức xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện đảm bảo đem lại hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương.

- Công tác thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi được công nhận ngày càng được thực hiện tốt và đem lại nguồn thu ngân sách tăng dần qua từng năm.

## **2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

Được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở KH&CN đã nỗ lực cố gắng phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ

được UBND tỉnh giao hằng năm trên tất cả các lĩnh vực do ngành tham mưu, quản lý. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân như sau:

**a) Công tác Quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ**

**- Trong công tác quản lý:**

+ Việc xác định nhiệm vụ hằng năm không đồng đều giữa các lĩnh vực, chủ yếu vẫn là lĩnh vực khoa học nông nghiệp (80%), các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học y dược, khoa học xã hội và nhân văn chiếm tỉ lệ còn thấp, chưa kịp thời giải quyết được các vấn đề cấp thiết.

+ Thời gian phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN hằng năm còn chậm do sau khi trình Chủ tịch UBND tỉnh còn thực hiện các bước xin ý kiến của cấp trên có thẩm quyền. Vì vậy các nhiệm vụ không phê duyệt thực hiện được ngay từ đầu năm mà phải đến giữa năm kế hoạch mới phê duyệt thực hiện, do chủ yếu là lĩnh vực khoa học nông nghiệp nên có một số nhiệm vụ bị quá thời vụ, phải chuyển năm tiếp theo, ảnh hưởng đến tính cấp thiết, tính thời sự.

+ Trong triển khai, còn có một số nhiệm vụ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc cần phải điều chỉnh quy mô, thời gian, tiến độ thực hiện; nhiều mô hình chưa đạt chất lượng tốt nhất.

+ Các đề tài, dự án còn gặp khó khăn trong chọn hộ triển khai, khó tìm được địa điểm thực hiện rộng, liền khu, liền khoảnh, hoặc nếu có thì hộ dân không nhiệt tình, không đảm bảo đối ứng theo yêu cầu.

+ Khó khăn trong việc xử lý tài sản trang bị, tài sản hình thành khi kết thúc các nhiệm vụ KH&CN.

+ Việc cấp, thanh quyết toán, giải ngân kinh phí có thời điểm còn chậm.

+ Công tác bàn giao có thời điểm, nhất là trong giai đoạn 2017-2019 chưa thực sự kịp thời để các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai ứng dụng.

**- Trong ứng dụng, nhân rộng kết quả:**

+ Phần lớn các địa phương chưa bố trí kinh phí để tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả của các đề tài, dự án sau khi kết thúc, nghiệm thu bàn giao cho địa phương vào thực tiễn sản xuất;

+ Về kết quả ứng dụng, nhân rộng, (i) mặc dù có nhiều nhiệm vụ được đánh giá mức có ứng dụng, nhân rộng nhưng quá trình nhân rộng còn chậm, chưa thực sự bền vững, còn có thể đạt kết quả cao hơn nếu được quan tâm tổ chức triển khai tốt hơn; (ii) còn một số nhiệm vụ duy trì, thậm chí duy trì ở mức thấp, chưa chứng minh được hiệu quả khi áp dụng triển khai trong thực tiễn;

+ Các mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp mới dừng lại ở mở rộng diện tích, áp dụng khoa học kỹ thuật nâng cao được năng suất, chất lượng nhưng sản phẩm ở “dạng thô”, chưa được đầu tư đúng mức khâu bảo quản, chế biến sâu tạo sản phẩm hàng hoá “dạng tinh” nên chỉ bán ra thị trường theo mùa vụ, giá cả bấp bênh, tình trạng “được mùa mất giá” vẫn diễn ra ảnh hưởng đến tâm lý sản xuất người dân. Sản phẩm cam quýt, mận chín sớm, hồng không hạt... là điển hình, mặc dù đã có vùng sản xuất quy mô lớn nhưng ngoài công nghệ sản xuất tinh dầu quýt, bì quýt (quy mô chưa lớn) thì chưa có công nghệ chế biến sâu, đồng thời khi mở rộng diện tích sản xuất xuất hiện sâu bệnh hại không xử lý

được kịp thời dẫn đến giảm năng suất, sản lượng. Đây là vấn đề cần được đặt ra để cần tiếp tục tham mưu giải quyết.

**- Nguyên nhân:**

**Nguyên nhân chủ quan:**

+ Hội đồng KH&CN tỉnh hằng năm mới xác định, lựa chọn nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở đề xuất của các tổ chức, cá nhân, chưa tư vấn bổ sung được cho tỉnh những nhiệm vụ cấp thiết, có tính đột phá cao;

+ Trong công tác quản lý có thời điểm chưa thực sự sát sao; chưa tham mưu được nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng các đề tài, dự án;

+ Công tác bàn giao kết quả có thời điểm chưa kịp thời để các đơn vị, địa phương nghiên cứu, áp dụng ứng dụng, nhân rộng;

+ Việc hướng dẫn các địa phương trong phương pháp tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả đề tài, dự án sau khi nhận bàn giao chưa được cụ thể;

+ Hằng năm, chưa tham mưu bố trí ngân sách nhà nước nguồn sự nghiệp khoa học cho cấp huyện, thành phố để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở nên nhìn chung các hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở chưa rõ nét;

+ Chưa quan tâm đúng mức việc theo dõi, kiểm tra trong tổ chức áp dụng, duy trì, nhân rộng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của các đơn vị, địa phương được giao.

**Nguyên nhân khách quan:**

+ Các nhiệm vụ KH&CN lĩnh vực nông lâm nghiệp đa số được triển khai ngoài trời phụ thuộc rất lớn vào điều kiện thời tiết, nên tính rủi ro cao;

+ Về cơ chế chính sách, Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ còn nhiều bất cập, chưa được sửa đổi, bổ sung nên tài sản trang bị thực hiện các nhiệm vụ chưa được giải quyết;

+ Về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh còn khó khăn, nguồn nhân lực khoa học và công nghệ rất hạn chế, trình độ dân trí chưa cao, nhiều tập tục lao động, sản xuất còn lạc hậu ảnh hưởng nhiều đến chất lượng các đề tài, dự án và khó khăn trong chuyển giao, ứng dụng.

**+ Từ phía các sở, ngành, địa phương:**

Cấp ủy đảng, chính quyền các ngành, địa phương nhìn chung chưa thực sự quan tâm, đánh giá đầy đủ về vai trò cũng như tổ chức triển khai công tác khoa học công nghệ trên địa bàn, trong đó có việc nghiên cứu kết quả đề tài, dự án được bàn giao để áp dụng, triển khai. Sau khi nhận bàn giao kết quả nhiệm vụ, chưa chỉ đạo thực sự rõ nét, cụ thể cho công tác duy trì, nhân rộng dẫn đến tình trạng người dân không tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nên mô hình không còn đạt chất lượng, hiệu quả như khi đang trong thời gian thực hiện các đề tài, dự án.

Hằng năm, các ngành, địa phương mới chỉ bố trí được nguồn kinh phí rất ít từ ngân sách nhà nước để chi cho công tác quản lý khoa học và công nghệ (10-20 triệu), đặc biệt rất ít ngành, địa phương bố trí được kinh phí thực hiện ứng dụng, nhân rộng sau khi đề tài, dự án khoa học và công nghệ kết thúc được bàn giao theo Quy chế 25.

Hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở nhìn chung còn mờ nhạt. Hầu hết các huyện, thành phố chưa thực hiện được đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được quy định

tại Thông tư số 01/2021/TT-BKHCN ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Khoa học và Công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Phòng Kinh tế thành phố và Phòng Kinh tế - Hạ tầng có số lượng biên chế ít, chưa bố trí được ít nhất 01 biên chế chuyên trách về khoa học và công nghệ.

Tại các sở, ban, ngành, hoạt động khoa học và công nghệ mới chỉ bước đầu được quan tâm ở ngành y tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn, trường Chính trị tỉnh Bắc Kạn, còn cơ bản các sở, ban, ngành khác chưa khuyến khích được phong trào nghiên cứu khoa học, sáng kiến, đổi mới sáng tạo.

UBND các xã có đề tài, dự án triển khai trên địa bàn sau khi kết thúc chưa thực sự chủ động trong chỉ đạo theo dõi, tiếp tục hướng dẫn người dân duy trì và tổ chức nhân rộng kết quả trên địa bàn.

*+ Từ phía đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ:*

Một số đơn vị chủ trì, nhất là các đơn vị ngoài chưa thực sự dành thời gian quan tâm, chỉ đạo và theo dõi Ban chủ nhiệm thực hiện các dự án sau khi được phê duyệt thực hiện. Trách nhiệm của một số chủ nhiệm, thư ký nhiệm vụ chưa cao, còn có đề tài, dự án lúng túng trong quản trị, tổ chức triển khai thực hiện và sự phối hợp giữa đơn vị chủ trì với các ngành, địa phương có lúc chưa được thường xuyên, chặt chẽ.

*+ Từ phía doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân:*

Trong giai đoạn, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện tham gia các đề tài, dự án không nhiều, tiềm lực còn yếu, chủ yếu là các hộ dân trực tiếp tham gia dự án. Trong thời gian qua, mặc dù người dân đã có nhiều thay đổi tích cực trong tư duy, thừa nhận hiệu quả khi áp dụng khoa học kỹ thuật trong lao động sản xuất nhưng nhìn chung vẫn còn tâm lý chờ đợi sự hỗ trợ của nhà nước, chưa thực sự chủ động, chưa dám đầu tư, áp dụng. Bên cạnh đó, do chuyển dịch cơ cấu lao động, một bộ phận lớn người trẻ tuổi ở nông thôn đi xuất khẩu lao động, làm công nhân tại các nhà máy, xí nghiệp nên lực lượng lao động chính cho nông lâm nghiệp chủ yếu là người lớn tuổi. Đây là một rào cản lớn trong chuyển giao, ứng dụng, nhân rộng kết quả khoa học và công nghệ.

#### **b) Quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ**

- Trình độ công nghệ, các hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh còn hạn chế so với mặt bằng trình độ chung của khu vực và cả nước. Các doanh nghiệp chưa chú trọng đầu tư nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh sản phẩm, hàng hoá; chưa quan tâm chuyển đổi thành doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ.

- Nguyên nhân là do các doanh nghiệp chưa nhận thức được giá trị, vai trò của khoa học và công nghệ. Tác động của kinh tế thế giới, giá xăng dầu, điện, vật tư, nguyên liệu đầu vào, thuế, phí ... tăng giảm thất thường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp; một số chính sách thu hút đầu tư và thủ tục đầu tư chưa đồng bộ và thay đổi nhanh; còn có sự chông chéo giữa hệ thống pháp luật về đầu tư, luật doanh nghiệp và

các luật chuyên ngành; hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực của tỉnh đã có bước phát triển nhưng chưa đảm bảo phục vụ, đáp ứng cho phát triển công nghiệp.

### **c) Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng**

- Nguồn thu từ dịch vụ KH&CN nhìn chung vẫn còn khá thấp nên khả năng tự chủ của tổ chức KH&CN công lập gặp khó khăn (Hiện nay Trung tâm được giao tự chủ 14,9% kinh phí), so với một số tỉnh như Điện Biên, Lai châu có điều kiện tương tự hiện nay vẫn được nhà nước cấp kinh phí 100%, chưa phải giao tự chủ.

- Đầu tư cho tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ còn hạn chế, nhiều máy móc thiết bị đã cũ, lỗi thời, không đồng bộ và còn thiếu. Do vậy, một số mảng dịch vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng chưa khai thác được hết tiềm năng (*Thử nghiệm VLXD, kiểm định thiết bị y tế, tư vấn về mảng tiêu chuẩn, chất lượng*).

- Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật của Bộ chủ quản, các dịch vụ công chi tiết theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ KH&CN chưa phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

## **V. Giải pháp trong thời gian tới**

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tầm quan trọng của khoa học công nghệ và ĐMST đối với phát triển những lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của ngành, địa phương góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội để nâng cao nhận thức, làm chuyển biến hành động của các cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

2. Xác lập được danh mục những sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực, thế mạnh của tỉnh, những sản phẩm phục vụ phát triển du lịch trong giai đoạn tới để tập trung đầu tư ứng dụng khoa học và công nghệ gắn với đổi mới sáng tạo. Tăng cường hướng dẫn đề xuất, đặt hàng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ để phục vụ sản xuất và đời sống theo hướng: Phát triển sản phẩm, hàng hoá nông lâm sản theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ưu tiên hỗ trợ sản phẩm tham gia trực sản phẩm quốc gia; sản phẩm đặc sản của địa phương; hỗ trợ hoàn thiện, nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP... trong đó địa bàn chuyển giao trực tiếp là hợp tác xã và doanh nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu đề xuất đặt hàng các đề tài, dự án cấp quốc gia có quy mô lớn, liên ngành, có tầm ảnh hưởng và thu hút nguồn lực để phát triển những địa bàn, lĩnh vực trọng tâm.

3. Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng cán bộ có trình độ cao trên một số lĩnh vực phù hợp với điều kiện của địa phương. Chủ động mở rộng liên kết, hợp tác với các viện, trường, các cơ sở nghiên cứu để đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ, đồng thời xác định, lựa chọn tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, tranh thủ các chương trình hỗ trợ, tài trợ từ các tổ chức, các quốc gia... cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4. Tạo cơ chế khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Lấy doanh nghiệp, hợp tác xã làm trung tâm để hình thành sự liên kết chặt chẽ giữa nhà khoa học, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia với các doanh nghiệp, hợp tác xã để họ vừa là đơn vị ứng dụng khoa học công nghệ, vừa là đơn vị tiếp nhận sản phẩm đầu ra. Tăng cường liên kết 04 nhà (nhà nước - nhà khoa học - nhà doanh nghiệp và nhà dân) để từng bước giải quyết các vấn đề về giống, công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

5. Đổi mới cơ chế quản lý đề tài, dự án; tăng cường thực hiện cơ chế đặt hàng, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì; khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai minh bạch. Tập trung triển khai thực hiện tốt các hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trong đó tiếp tục triển khai thực hiện tốt việc hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, xây dựng các quy chuẩn kỹ thuật địa phương; áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 của tỉnh, kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc trong hoạt động bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc hữu; tích cực quảng bá và phát triển tài sản sở hữu trí tuệ.

6. Tham mưu các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo; cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn nữa để huy động trí thức, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ mới trên địa bàn tỉnh.

#### **VI. Đề xuất, kiến nghị**

- UBND tỉnh tăng cường chỉ đạo các sở, ban, ngành đặt hàng nhiệm vụ KH&CN, nhất là tăng số lượng đặt hàng nhiệm vụ thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, tài nguyên môi trường, giao thông, ... để hài hòa tỉ lệ nhiệm vụ giữa các lĩnh vực; chỉ đạo các đơn vị, địa phương tổ chức duy trì, nhân rộng các đề tài, dự án đã nghiệm thu có hiệu quả trên địa bàn tỉnh, trong đó chỉ đạo Sở Tài chính hàng năm tham mưu cân đối ngân sách cho hoạt động ứng dụng, nhân rộng kết quả các nhiệm vụ KH&CN theo Quy chế đã ban hành trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 24-CT/TU ngày 14/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh tại huyện và các chương trình, kế hoạch khác về KH&CN; nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ cơ sở; hằng năm nghiên cứu đặt hàng nhiệm vụ có tính cấp thiết, phù hợp; đối với các kết quả đã được bàn giao tập trung chỉ đạo, bố trí kinh phí, xây dựng kế hoạch tổ chức duy trì, nhân rộng.

Trên đây là Báo cáo của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của ngành khoa học và công nghệ./.

***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (b/c),
- Ban Giám đốc Sở,
- Các phòng, đơn vị thuộc sở,
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đình Điệp**